

Thái Hòa, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 30; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 275; 280; 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V(V1)

Địa chỉ trụ sở: Số H L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng B - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng cá nhân miền B - Khối quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Tầng E Tòa nhà V, số G D, Cầu G, Hà Nội.

(theo Văn bản uỷ quyền số: 62/UQN-CTQT ngày 02/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V(V1).

Người được uỷ quyền lại:

- Ông Trần Minh C - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ.

- Ông Thái Đình Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ: Tầng C, V1, nhà LK1 T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

(Theo Văn bản uỷ quyền nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án số: 8624/2023/UQ- KHCN ngày 16/9/2023 của Trưởng phòng xử lý nợ phản ứng nhanh khách hàng cá nhân miền B - Khối quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP V.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên M (nay là Công ty cổ phần M)

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số 1 D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1, Chức vụ: trưởng phòng xử lý nợ miền bắc - Công ty cổ phần M.

Theo văn bản ủy quyền số 02/2024/UQ-GĐ ngày 19/4/2024.

Người được ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

- Ông Bùi Tiến D1. Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ

- Bà Bùi Thị T3. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Cùng địa chỉ: Tầng B, VPBank S, nhà LK1-10, KĐT T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Theo văn bản ủy quyền số 897/2024/UQ-MARS (VPB) ngày 10/5/2024.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1976

Bà Phan Thị H1, sinh năm 1981

Đều trú tại: Khối S, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Đức H và bà Phan Thị H1 (là vợ chồng) có nghĩa vụ thanh toán, trả nợ cho Công ty Cổ phần M với tổng số tiền tính đến ngày 09/8/2024 là 11,217,994,662 đ (Mười một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng) trong đó nợ gốc là 8.087.737.264 đ (tám tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm ba bảy nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng), lãi trong hạn 216.063.870 đ (hai trăm mười sáu triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi đồng), lãi quá hạn 2.914.193.528 đ (hai tỷ, chín trăm mười bốn triệu, một trăm chín ba nghìn, năm trăm hai tám đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2101253331533 ký ngày 26/01/2021 và khế ước nhận nợ ký ngày 26/01/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2202105181988 ký ngày 16/02/2022 và khế ước nhận nợ ký ngày 16/02/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210066997497 ký ngày 11/10/2022 và khế ước nhận ký ngày 16/02/2022; Giấy đề nghị vay vốn ký ngày 04/02/2021 (LD2103500766 theo T24); Giấy đề nghị vay vốn ký ngày 18/10/2022 (LD2229102058 theo T24); Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 175-P-9543090 ký ngày 18/10/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2205205815928 ký ngày 24/05/2022 và các khế ước nhận nợ ký ngày 24/5/2022, ngày 25/5/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2105083707774 ký ngày 12/05/2021 và các khế ước nhận nợ ngày 12/05/2022; Giấy đề nghị vay vốn online ký ngày 12/05/2022 (LD2213201458 theo T24); Giấy đề nghị vay vốn online ký ngày 26/05/2022 (LD2214601257 theo T24); Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 175-P-0910961 ký ngày 18/10/2022.

- Kể từ ngày 10/8/2024 ông H, bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc tại các khoản vay chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các thẻ tín dụng cho đến ngày thực tế Bà Phan Thị H1 và chồng là Ông Nguyễn Đức H thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần M.

* Trường hợp ông Nguyễn Đức H và bà Phan Thị H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu

cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản của Bà **Phan Thị H1** và chồng là Ông **Nguyễn Đức H** để thu hồi nợ cho **Công ty Cổ phần M**, cụ thể:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 17, tại địa chỉ: **K, Phường Q, Thị Xã T, Tỉnh N** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 435157, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00009 do **Sở T4** cấp ngày 08/01/2021; Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số LN2101253331533 số công chứng 697 quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 26/01/2021 tại **văn phòng C1**.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 227, tờ bản đồ số 17, tại địa chỉ: **K, Phường Q, Thị Xã T, Tỉnh N** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 435158, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00010 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh T4** cấp ngày 08/01/2021. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số LN2202105181988 số công chứng 1139 quyền số: 01/2022TP/CC- - SCC/HĐGD ký ngày 26/01/2021 tại **văn phòng C1**

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số. 17, tại địa chỉ: **K, Phường Q, Thị Xã T, Tỉnh N** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 468313, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00061 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh T4** cấp ngày 30/03/2021.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 17, tại địa chỉ: **K, Phường Q, Thị Xã T, Tỉnh Nghệ An** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 468314, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00062 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh T4** cấp ngày 30/03/2021.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 17, tại địa chỉ: **K, Phường Q, Thị Xã T, Tỉnh N** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 468312, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00060 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh T4** cấp ngày 30/03/2021.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 17, tại địa chỉ: **K, Phường Q, Thị Xã T, Tỉnh Nghệ An** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 468315, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00063 do **Sở T4** cấp ngày 30/03/2021.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 17, tại địa chỉ: **K, Phường Q, Thị Xã T, T Nghệ An** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 468311, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00059 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh T4** cấp ngày 30/03/2021; chi tiết các tài sản trên tại hợp đồng thế chấp số LN2105083707774 ký ngày 12/05/2021.

Trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên sau khi kê biên phát mại không đủ trả nợ, **Công ty Cổ phần M** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông **Nguyễn Đức H** và bà **Phan Thị H1** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Công ty Cổ phần M** cho đến khi ông **Nguyễn Đức H** và bà **Phan Thị H1** thực tế thanh toán hết khoản nợ nêu trên.

Trường hợp ông **H**, bà **H1** trả hết số nợ trên thì **Công ty cổ phần M1** trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông **H**, bà **H1** đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết.

- Ấn phí: Ông **H**, bà **H2** chịu 59.608.997đ (năm mươi chín triệu, sáu trăm linh tám nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng) ấn phí DSST.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V** (người kế thừa quyền yêu cầu là **công ty**

cổ phần M) số tiền tạm ứng án phí 58.606.900 (năm mươi tám triệu, sáu trăm linh sáu nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001322 ngày 16/10/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngoan